

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2019 Triệu đồng	2018 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	425.457	391.775
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11.741.032	11.521.295
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	55.660.637	33.532.737
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	55.380.637	33.452.737
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	280.000	80.000
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	8.578
Cho vay khách hàng	47.548.571	44.111.305
Cho vay khách hàng	48.207.781	44.703.632
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(659.210)	(592.327)
Chứng khoán đầu tư	8.742.185	9.338.557
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.742.185	9.338.557
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	-
Tài sản cố định	102.350	85.809
Tài sản cố định hữu hình	95.452	82.261
Nguyên giá	215.223	186.819
Giá trị hao mòn lũy kế	(119.771)	(104.558)
Tài sản cố định vô hình	6.898	3.548
Nguyên giá	10.923	6.019
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.025)	(2.471)
Tài sản cố khác	947.135	1.742.588
Các khoản phải thu	101.011	720.083
Các khoản lãi, phí phải thu	596.445	718.117
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.129	134.824
Tài sản cố khác	213.550	169.564
TỔNG TÀI SẢN CỐ	125.167.367	100.732.644

NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	1.256.520	1.984.091
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.256.520	1.904.776
Vay các tổ chức tín dụng khác	-	79.315
Tiền gửi của khách hàng	109.908.707	85.072.414
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	172	-
Các khoản nợ khác	1.123.869	1.532.882
Các khoản lãi, phí phải trả	81.536	70.355
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.042.333	1.462.527
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	112.289.268	88.589.387
Vốn chủ sở hữu	12.878.099	12.143.257
Vốn của tổ chức tín dụng	7.528.000	7.528.000
Quý của tổ chức tín dụng	2.525.320	2.169.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.824.779	2.446.191
TỔNG VỐN	12.878.099	12.143.257
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	125.167.367	100.732.644

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	16.830.606	17.311.987
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	7.295.217	9.961.190
Bảo lãnh khác	9.535.389	7.350.797
Các cam kết đưa ra	77.095.891	77.881.062
Cam kết giao dịch hối đoái	74.511.161	74.897.364
Cam kết mua ngoại tệ	36.614.796	37.423.664
Cam kết bán ngoại tệ	36.621.740	37.414.417
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.274.625	59.283
Cam kết cho vay không hủy ngang	2.584.730	2.983.698

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2019 Triệu đồng	2018 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.214.682	3.779.273
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(507.548)	(305.491)
Thu nhập lãi thuần	3.707.134	3.473.782
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.121.673	1.045.217
Chi phí hoạt động dịch vụ	(284.838)	(262.324)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	836.835	782.893
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	679.704	671.621
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17.434	8.688
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	184.610
Thu nhập từ hoạt động khác	172.550	94.849
Chi phí hoạt động khác	(56.346)	(37.981)
Lãi thuần từ hoạt động khác	116.204	56.868
Chi phí hoạt động	(2.263.745)	(2.021.799)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.093.566	3.156.663
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(112.275)	(59.889)
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.981.291	3.096.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(507.569)	(638.899)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(98.695)	10.632
Chi phí thuế TNDN	(606.264)	(628.267)
Lợi nhuận sau thuế	2.375.027	2.468.507

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2019 Triệu đồng	2018 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.319.411	3.744.079
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(496.368)	(294.704)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	844.090	790.038
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	697.138	680.777
Thu nhập khác	75.716	14.464
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	40.565	42.017
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.652.997)	(1.927.305)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(622.528)	(561.122)
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG	2.205.027	2.488.244
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(200.000)	1.551.406
Giảm về kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán	596.372	260.139
Giảm về các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8.578	7.140
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(3.504.149)	(4.799.246)
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(45.392)	(38.922)
Giảm khác về tài sản hoạt động	619.072	177.867
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(727.571)	923.540
Tăng tiền gửi của khách hàng	24.836.293	10.719.174
Tăng về công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	172	-
Tăng khác về công nợ hoạt động	77.224	183.470
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	23.865.626	11.472.812
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(44.164)	(46.023)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	42	475
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(44.122)	(45.548)
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(1.640.185)	(1.512.177)
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(1.640.185)	(1.512.177)
LƯU CHUYỂN TIẾN THUẦN TRONG NĂM	22.181.319	9.915.087
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	45.365.807	35.450.720
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	67.547.126	45.365.807

	VỐN CHỦ SỞ HỮU				
	Vốn của TCTD Triệu đồng	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quý dự phòng tài chính Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.528.000	633.391	1.165.399	1.860.137	11.186.927
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.468.507	2.468.507
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(1.512.177)	(1.512.177)
Trích lập các quỹ	-	123.425	246.851	(370.276)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7.528.000	756.816	1.412.250	2.446.191	12.143.257
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.375.027	2.375.027
Chi trả cổ tức (**)	-	-	-	(1.640.185)	(1.640.185)
Trích lập các quỹ	-	118.751	237.503	(356.254)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.528.000	875.567	1.649.753	2.824.779	12.878.099

(*) Việc phân phối lợi nhuận năm 2017 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 và được chi trả vào ngày 4 tháng 6 năm 2018 và ngày 28 tháng 8 năm 2018.
(**) Việc phân phối lợi nhuận năm 2018 của Ngân hàng được Hội đồng thành viên của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 3 tháng 6 năm 2019 và được chi trả vào ngày 13 tháng 8 năm 2019.

THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN		
	2019 Triệu đồng	2018 Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	1.408	1.438
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương	695.557	631.710
Lương bổ sung	155.360	168.195
Thu nhập khác	67.363	68.818
	918.280	868.723
Tiền lương bình quân/ người/ năm	494	439
Thu nhập bình quân/ người/ năm	652	604

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH		
	31.12.2019 Triệu đồng, %	31.12.2018 Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	125.167.367	100.732.644
Tỷ lệ an toàn vốn	14%	14%
Nợ quá hạn	633.932	661.110
Nợ xấu	342.796	332.397
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động	41%	49%
Số dư bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,63%	0,88%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	0,34%	0,44%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	57%	26%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bảng đồng Việt Nam	Tuần thủ	Tuần thủ
- Bảng ngoại tệ khác	Tuần thủ	Tuần thủ
	2019 Triệu đồng	2018 Triệu đồng
Doanh số huy động tiền gửi	3.224.470.993	3.396.803.911
Doanh số cho vay	125.559.501	110.894.365
Doanh số thu nợ	121.530.705	106.366.400

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phê chuẩn ngày 23 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)		
<p>Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Vốn chủ sở hữu, Thu nhập của cán bộ công nhân viên và Các chỉ số tài chính, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.</p> <p>Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.</p> <p>Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các tiêu thức qui định bởi pháp luật.</p> <p>Trách nhiệm của Kiểm toán viên Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".</p> <p>Ý kiến của Kiểm toán viên Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo - được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng đã được kiểm toán - phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với các tiêu thức qui định bởi pháp luật.</p>		
<p>(Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam))</p> <p>CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)</p> <p>Nguyễn Bảo Anh Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2018-006-1 Chức vụ được ủy quyền</p>	<p>Mai Trần Bảo Anh Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4168-2017-008-1</p>	<p>Công ty TNHH PwC (Việt Nam) Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam ĐT: +84 (29) 38230796, www.pwc.com/vn</p>

